

Số:151/2020/QĐST-HNGĐ

V, ngày 06 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:154/2019/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 12 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1955

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh H.

Bị đơn: Ông Hà Văn B, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh H

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Hà Thị A, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn V, xã Đạ, huyện V, tỉnh H.

Chị Hà Thị N, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện V, tỉnh H.

Anh Hà Văn C, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Khoản 1 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị T và ông Hà Văn B.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về tình cảm vợ chồng: Bà Phạm Thị T và ông Hà Văn B thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà T và ông B có ba con chung là chị Hà Thị A, sinh năm 1986. Chị Hà Thị N, sinh năm 1989 và anh Hà Văn C, sinh năm 1992. Chị A, chị N và anh C đều trên 18 tuổi nên không đặt ra để giải quyết việc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung; Về công nợ; Về công sức và ruộng nông nghiệp: Bà T và ông B đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị T chịu cả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000297 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V, bà T đã nộp đủ tiền án phí. Trả lại bà T số tiền tạm ứng án phí 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự
- Viện kiểm sát huyện V
- Chi cục THA huyện V
- UBND xã L
- Lưu Hs vụ án

THẨM PHÁN

ĐỖ VĂN M

